

Số: /QĐ-UBND-HC Đồng Tháp, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Định giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 203/TTr-STP ngày 07 tháng 02 năm 2025; Tờ trình số 433/TTr-STP ngày 07 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này định giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức hành nghề công chứng, người yêu cầu công chứng, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng

1. Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng chi tiết theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng của tổ chức hành nghề công chứng không được cao hơn mức giá tối đa quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức kinh doanh dịch vụ công chứng có trách nhiệm thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh doanh dịch vụ theo quy định của Luật Giá; theo dõi, phản ánh việc thu, nộp, quản lý, sử dụng nguồn thu theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm về thành phần hồ sơ, báo cáo thẩm định phương án giá và mức giá đề xuất; đồng thời chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan triển khai, hướng dẫn, giám sát đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Giá; kiểm tra việc chấp hành và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp theo dõi, hướng dẫn đơn vị thực hiện đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTr/Tỉnh ủy;
- TTr/HĐND Tỉnh;
- Cục Bổ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng BTP tại Tp.HCM;
- Chủ tịch và các PCT. UBND Tỉnh;
- Hội Công chứng viên Tỉnh;
- Báo Đồng Tháp, Đài PT-TH ĐT;
- Lưu: VT, NC/KTN-MDung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Trần Trí Quang

PHỤ LỤC**Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	NỘI DUNG	GIÁ TỐI ĐA
I	SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	<i>ĐVT: đồng/ trường hợp</i>
1	Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh	470.000
2	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất	260.000
3	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất	260.000
4	Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp	240.000
5	Hợp đồng mua bán, tặng cho tài sản khác, góp vốn bằng tài sản khác	240.000
6	Hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo lãnh tài sản	240.000
7	Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất; thuê nhà ở; thuê, thuê lại tài sản	270.000
8	Hợp đồng mua bán, tặng cho xe ô tô	170.000
9	Hợp đồng mua bán, tặng cho xe máy	110.000
10	Hợp đồng vay tiền	240.000
11	Hợp đồng ủy quyền	170.000
12	Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch	160.000
13	Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	160.000
14	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản	470.000
15	Văn bản thỏa thuận về tài sản của vợ chồng	240.000
16	Văn bản từ chối nhận di sản	210.000
17	Di chúc	210.000
18	Giấy ủy quyền	50.000
19	Hợp đồng, giao dịch khác	250.000

STT	NỘI DUNG	GIÁ TỐI ĐA
II	ĐÁNH MÁY, SAO CHỤP VĂN BẢN	<i>ĐVT: đồng/trang</i>
1	Phí đánh máy văn bản (trang A4)	5.000
2	Phí sao chụp văn bản (trang A4)	1.000
3	Phí sao chụp văn bản (trang A3)	1.000
III	DỊCH GIẤY TỜ, VĂN BẢN	<i>ĐVT: đồng/trang</i>
1	Dịch từ tiếng nước ngoài sang Tiếng Việt	
a	Dịch từ Tiếng Anh hoặc tiếng của một số nước thuộc EU sang Tiếng Việt	220.000
b	Dịch từ tiếng nước ngoài khác sang Tiếng Việt	230.000
2	Dịch từ Tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	
a	Dịch từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh hoặc tiếng của một số nước thuộc EU	270.000
b	Dịch từ Tiếng Việt sang tiếng nước ngoài khác	280.000
IV	CÁC VIỆC KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CÔNG CHỨNG	<i>ĐVT: đồng/ trường hợp</i>
1	Công bố di chúc	110.000
2	Niêm yết thông báo hồ sơ thừa kế	320.000
3	Cấp bản sao văn bản công chứng	50.000
4	Các việc khác	100.000